

BIẾN ĐỔI CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÁ VOI Ở ĐÀ NẴNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

THS. LÊ THỊ THU HIỀN

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng diễn ra rất nhanh, tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương... Theo đó, đời sống của những cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo với tín ngưỡng thờ cá Voi đã có sự biến đổi phần nào về truyền thống và tâm thức tôn giáo, tín ngưỡng. Từ thực tế quan sát sự biến đổi của tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa, tác giả khẳng định, cần thiết phải khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa biển đảo, đồng thời, phát huy, khai thác các giá trị đặc sắc của văn hóa biển đảo để góp phần xây dựng nền kinh tế, văn hóa Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: đô thị hóa; Đà Nẵng, tín ngưỡng thờ cá Voi.

ABSTRACT

In recent years, the urbanisation process of Da Nang is rapid, and has its influence to all economic-political, cultural – social aspects of the area. The life of maritime and island people with whale worship has been changes in their tradition and religious and belief mentality. From her observation of the changes of the whale worship in Da Nang during urbanisation process, the author determines the need to restore, safeguard the values of maritime culture in accordance with the promotion and exploitation of the special values of maritime culture to build Vietnam's economy and culture today.

Key words: urbanisation; Da Nang, Whale worship belief.

1. Đặt vấn đề

Được coi là địa phương tiêu biểu của cả nước trong công tác quy hoạch, chỉnh trang, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, đô thị hóa ở Đà Nẵng đang được đẩy mạnh về quy mô cũng như tốc độ và tác động đến mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tạo cho thành phố một bộ mặt mới mang dáng dấp hiện đại. Với định hướng phát triển kinh tế biển, du lịch biển, cuộc sống của những người dân vốn hành nghề đánh cá trên biển chịu không ít những tác động về không gian sống, sinh kế... cũng như về văn hóa, tín ngưỡng, nhất là tín ngưỡng thờ cá Voi, một tín ngưỡng phổ biến, điển hình của cư dân ven biển.

2. Vài nét về đô thị hóa ở Đà Nẵng

Có thể tạm hiểu, đô thị hóa là sự mở rộng của đô thị, tính theo tỷ lệ phần trăm giữa dân số đô thị hay diện tích đô thị trên tổng số dân hay diện tích của một vùng hay khu vực. Đi kèm với đô thị hóa chính là quá trình mở rộng không gian và diện tích đô thị, sự tăng lên của dân nhập cư từ nhiều luồng khác nhau...

Đô thị hóa là kết quả tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa ở mọi quốc gia trên thế giới, trong đó

có Việt Nam. Đặc biệt, trong những năm gần đây, trước yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, đã có sự bùng nổ về tốc độ đô thị hóa, mà Đà Nẵng là một trong những "hình mẫu" của cả nước về công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị (Huỳnh Phước, 2009, tr. 230). Trải qua 125 năm hình thành và phát triển (tính từ khi chính quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập thành phố Đà Nẵng - ngày 24/5/1889), nhất là trong hơn 10 năm gần đây, sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thì quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng ngày càng diễn ra mạnh mẽ, làm thay đổi cơ bản diện mạo của thành phố.

Về không gian, phạm vi đô thị được mở rộng, ranh giới hành chính của các quận, huyện được phân chia theo định hướng đô thị hóa, theo đó, diện tích đất của huyện Hòa Vang bị thu hẹp lại, nhường chỗ cho việc hình thành các quận nội thành mới (Cẩm Lệ, Liên Chiểu)... Các tuyến đường chính của thành phố được mở rộng (Điện Biên Phủ, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Văn Linh, Trần Phú, Bạch Đằng...), bên cạnh đó là các tuyến đường du lịch (Nguyễn Tất Thành, Hoàng Sa, Lê Văn Hiến, Hồ Xuân Hương, Phạm Văn Đồng, đường

lên khu bảo tồn Bà Nà - Núi Chúa, bán đảo Sơn Trà,...) cũng được hình thành, vừa tạo cảnh quan đẹp cho thành phố, vừa tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào xây dựng các khu du lịch, phát triển các ngành dịch vụ và sản xuất công nghiệp, góp phần thay đổi thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, cũng đã hình thành một số cây cầu lớn nối liền hai bờ sông Hàn, như cầu sông Hàn, cầu Tuyên Sơn, cầu Thuận Phước, cầu Rồng phục vụ du lịch, thông thương, cùng các hoạt động khác, đã góp phần xóa dần khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa hai bên bờ sông Hàn, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ các khu đô thị mới bên kia sông Hàn.

Công tác xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị cũng đã thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn thành phố. Các ngành công nghiệp, dịch vụ không ngừng phát triển trong những năm qua. Hiện tại, thành phố đã hình thành 5 khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp Thanh Vinh, trong đó, có 2 khu mới được hình thành giai đoạn 2001- 2005, đó là khu công nghiệp Hòa Cẩm và khu công nghiệp Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng; 3 khu được đầu tư nâng cấp về cơ sở hạ tầng và mở rộng diện tích, đó là khu công nghiệp Hòa Khánh, khu công nghiệp Đà Nẵng và khu công nghiệp Liên Chiểu.

Quá trình đô thị hóa cũng tạo ra sức hút với dòng di dân từ nông thôn và các tỉnh khác tới. Tỷ lệ dân di cư so với dân thành phố tăng từ 3,4% (1997) lên 16,2% (2008) trong khi diện tích đô thị tăng từ gần 20% (1997) lên 38% (2008); GDP/người tăng 3,8 triệu đồng/người (1997) lên gần 10 triệu đồng/người (2008) (Bùi Quang Bình, 2009, tr. 269). Đô thị hóa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, thu nhập, điều kiện sống của người dân được nâng lên và có nhiều cơ hội tiếp cận với các dịch vụ về điện, nước, y tế, giáo dục, văn hóa, giải trí, cùng các cơ hội nghề nghiệp...

Song song với những tiện ích, tiến trình đô thị hóa ở Đà Nẵng cũng bộc lộ một số nguy cơ tiềm ẩn rất đáng lo ngại. Việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và tái định cư của các gia đình và cá nhân làm nảy sinh những phức tạp liên quan đến nghề nghiệp, sinh kế, đời sống của người dân, như mất việc làm, thay đổi công việc...; việc gia tăng dân số nhanh tập trung vào các quận nội thành làm cho cơ sở hạ tầng tại đô thị quá tải; ô nhiễm môi trường gia tăng, làm suy giảm đáng kể chất lượng sống của người dân. Ở khía cạnh đời sống văn hóa, đô thị hóa

cũng đã khiến nhiều hoạt động văn hóa và lễ hội truyền thống bị mai một và dần bị thay thế bằng những hoạt động giải trí hiện đại, như cà phê, internet, bi da, siêu thị... Bên cạnh đó là các vấn đề về kiến trúc cảnh quan đô thị, giao thông, giá cả, sự phân hóa giàu - nghèo, sự tách biệt ngày càng lớn giữa vùng nội thành và ngoại vi thành phố... đang và sẽ là những vấn đề lớn mà thành phố phải đối mặt khi quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng ngày càng được đẩy mạnh...

3. Biến đổi của tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa

3.1. Sự thu hẹp không gian sinh hoạt tín ngưỡng

Trong phạm vi hẹp, có thể tạm hiểu, đối với tín ngưỡng thờ cá Voi, không gian sinh hoạt tín ngưỡng chính là làng Ông và được định hình hóa bởi hàng/tường rào. Trong bài viết này, chúng tôi mới có điều kiện đề cập đến sự biến đổi về phạm vi của không gian hẹp, tức không gian gốc cấu thành di tích.

Khởi nguyên, hầu hết làng Ông được xây cất gần biển, tách khỏi khu dân cư, nhưng do bão đánh sập, khiến người dân phải di dời vào gần làng. Do đó, không gian thờ tự ban đầu thường ít có hạn định về phạm vi. Tuy nhiên, theo thời gian, dân cư ngày một đông đúc, để bảo vệ tính tôn nghiêm của nơi thờ tự, tạo khoảng cách với xung quanh, đặc biệt là không gian sinh hoạt thường nhật của người dân, những tường rào lỏng lẻo được dựng tạm lên. Sau năm 1975, nhất là bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa - đô thị hóa, không gian tín ngưỡng thờ cá Voi đã bị xáo động mạnh mẽ, mà một số biểu hiện cụ thể là:

- Hầu hết các làng quy mô đều đã bị thu hẹp diện tích;
- Có sự dịch chuyển và sáp nhập không gian (làng Ông Mân Quang sáp nhập vào khu di tích lịch sử - văn hóa làng Mân Quang, làng Ông Mỹ Khê được di dời ra vị trí mới,...).

Không gian sinh hoạt tín ngưỡng thờ cá Ông bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân khác nhau, vô hình chung đã ít nhiều ảnh hưởng đến sinh hoạt tín ngưỡng của cư dân nơi đây, đặc biệt là vào dịp lễ hội.

3.2. Đơn giản hóa trong thực hành nghi lễ

Từ góc độ tôn giáo, tín ngưỡng có thể nhận thấy, nghi lễ là một bộ phận gắn bó mật thiết với hoạt động thờ cúng. Trên thực tế, hiện nay có xu hướng "truy tìm" về nghi thức cổ để thực hành cho

đúng với truyền thống. Mặc dù vậy, để thích ứng với thời đại, một số phong tục, nghi lễ đã được giản lược. Chẳng hạn, trong đám tang cá Ông có sự rút ngắn về thời gian; coi/xem ngày, xin keo chọn ngày lành táng Ông không nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt như xưa, vì thế, tục làm lễ khẩn đảo tại biển (khi không chọn được ngày tốt) đã không còn được thực hiện; tục các làng vạ lân cận, kết nghĩa phải sắm lễ đến đưa Ông, chấm điểm thì nay không thấy nữa, thay vào đó, người ta mang giỏ trái cây, lẵng hoa đến lễ, hay bỏ tiền vào thùng “phước sương” đặt trước bàn thờ.

Ở lễ hội Cầu ngư, có sự thu gọn về thời gian và quy mô: Thời gian tổ chức đại lễ xưa thường từ 3 - 5 ngày, nay rút lại còn 2 ngày; lại bỏ bớt hoặc hạn chế các trò dân gian, như chơi u, nhảy chong chóng, đua thuyền, vì một số làng còn ít thuyền, chủ yếu là đua ghe, lắc thúng, kéo co, vá lưới và đá bóng trên bãi biển; tục mời các vạ bạn lân cận đến giao lưu, thi thố tài năng, vạ thua phải chịu phạt nay đã bãi bỏ. Một số sinh hoạt văn nghệ dân gian vốn gắn với lễ hội, như hát Bả trạo gần như không thấy nữa, còn hát Bài chòi, hát Bội cũng không được tổ chức thường xuyên vì vấn đề kinh phí. Có làng đã 5, 6 năm nay chưa tổ chức được đại lễ, thậm chí, có làng không tổ chức lễ Cầu ngư nữa, như làng Mỹ Khê - Người dân sở tại cho biết:

“Bên làng Ông ngày 18 tháng 5 (Âm lịch) là ngày lễ hội nhưng mà bây giờ không tổ chức lớn nữa, nói chung là không cúng hẳn luôn, chỉ có gần tết cúng tất niên. Trước đây, ngày 24 tháng Giêng mình cúng đình, trong làng cúng cúng, bây giờ họ không tổ chức được thì nhờ bên đình cúng luôn, làm một bàn riêng mang đến”.

(Ông Nguyễn Văn Kháng, 70 tuổi, làng Mỹ Khê)

Các lễ nghi trong hội tuy vẫn tuân thủ các bước như xưa, song, theo hầu hết những người được phỏng vấn thì việc thực hành diễn ra thiếu nghiêm trang và bài bản cũng có nhiều điểm khác. Ví như: “học trò gia lễ” xưa được chọn lựa rất cẩn thận về gia cảnh, phẩm chất, độ tuổi, nay chỉ cần đáp ứng về độ tuổi (18 - 20 tuổi), thậm chí có người đã có vợ con cũng được đưa vào (trường hợp làng Nam Ô). Ông Nguyễn Văn Giàu (60 tuổi), Tư lễ làng Hà Khê (phường Xuân Hà, quận Thanh Khê) cho biết:

“Lớp trẻ bây giờ làm những công việc khác nhau, khó có ngày tập hợp lại để luyện tập phần nghi lễ (dành cho học trò gia lễ) nên chỉ tập trước 2 buổi. Khi làm lễ, có lúc hẳn quên động tác, mình phải kín đáo nhắc hẳn”.

Mặt khác, do tổ chức vạ ở cư dân ven biển Đà Nẵng hiện nay cơ bản đã tan rã, nên ở một số nơi, lễ hội Cầu ngư vốn do Hội Chủ vạ cùng Ban Quản lý làng đứng ra tổ chức thì nay do Ban Khánh tiết làng (quản lý đình, miếu) kiêm nhiệm (như ở các làng: Thanh Khê, Hà Khê, Mân Quang, Mỹ Khê), cũng có nơi, như các làng Nam Ô, Tân Thái vẫn do bên vạ mình tiến hành, song phần nghi lễ, văn tế lại nhờ tư văn, tư lễ biên soạn và chỉ đến bày.

3.3. Sự “du nhập” các yếu tố văn hóa hiện đại

Việc xuất hiện của các yếu tố văn hóa hiện đại trong tín ngưỡng thờ cá Voi phần nào thể hiện sự thích ứng của cư dân ven biển Đà Nẵng với hoàn cảnh mới và có thể nhận thấy rõ nhất qua lễ hội. Trước tiên, đó là sự hỗ trợ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, như loa, âm li, điện nhấp nháy trên ban thờ, đèn thờ; việc sử dụng giấy mời đánh bằng máy vi tính để thông báo ngày tổ chức lễ (làng Tân Thái, Thanh Khê)... Trong lễ vật, có mặt của những hàng “ngoại nhập”, như rượu Tây, bánh kẹo, hoa quả ngoại. Trong trang phục tế, áo dài khăn đóng truyền thống được phối cùng giày Tây. Nội dung văn khấn và mục đích lễ nhằm cầu ngư/cầu mùa được kết hợp với lễ ra quân đánh bắt hải sản của phường...

Trong hội hiện nay, bữa cơm cộng cảm do phụ nữ trong làng đảm nhận được chế biến chủ yếu từ nguyên liệu thịt heo và thịt gà, bổ sung thêm tôm, mực, cá...; đồ uống là bia và nước ngọt; về diễn xướng, bên cạnh hát Bội, hát Bài chòi còn có các bài hát hiện đại ca ngợi quê hương đất nước; trong trò chơi, ngoài đua thuyền, lắc thúng, đua ghe, kéo co, đẩy gậy, vá lưới còn có trò hiện đại, như đá bóng trên bãi biển...

Sự hiện diện của các yếu tố mới góp phần làm cho không khí lễ hội mang hơi thở của cuộc sống đương đại, song ít nhiều đã làm lu mờ và suy giảm giá trị truyền thống của một lễ hội mang tính chất cầu mùa, cầu an...

3.4. Niềm tin vào tín ngưỡng suy giảm

Dù chưa có điều kiện khảo sát trên diện rộng bằng bảng hỏi, song qua phỏng vấn trực tiếp một số người dân ở các làng đánh cá ven biển Đà Nẵng trước đây, chúng tôi nhận thấy, đã có sự suy giảm niềm tin vào tín ngưỡng này, thể hiện ở việc cơ sở thờ tự (như đình làng) ít được tu sửa quy mô, có nơi hậu tẩm bị xuống cấp (làng Nam Ô), có nơi di tích bị dịch chuyển hoặc xây lại theo lối đơn giản (làng Mân Quang), có nơi di tích bị nhà dân “đè lên” (làng

Tân Thái); nghi lễ thờ cúng cũng có phần giản lược; lễ hội bị thu hẹp cả về thời gian và quy mô, người dân tham dự không nhiều; kinh phí đóng góp hạn chế, khó huy động. Qua 3 ý kiến của người dân các làng Mỹ Khê, Nam Ô dưới đây sẽ minh chứng thêm cho vấn đề này:

- "Ngày 18 tháng 5 (Âm lịch) là ngày hội của nghề biển, ngày 1 tháng 9 (Âm lịch) là ngày kỵ Ông nhưng lễ hội Cầu ngư bây giờ không tổ chức nữa, thành phố cấp tiền làm lại lăng Ông để dân trông coi hương khói mà thôi. Trước đây, ngày 18 tháng 5 (Âm lịch) tổ chức đua ghe, đua thúng, giật dây kéo co, cúng ngoài biển ghê lắm, chừ (bây giờ) thấy im re. Nó "lông" vấn đề tâm linh nên bây giờ mình đứng ra tổ chức cũng khó. Nói thiệt, kẻ tín ngưỡng thì người ta ủng hộ, những người không tín ngưỡng thì thờ ơ".

(Ông Nguyễn Văn Kháng, 70 tuổi, làng Mỹ Khê).

- "Trước đây, trước khi đi biển, ngư dân thường đến lăng Ông thắp hương cầu khẩn, nay đa số chỉ thắp hương dưới thuyền, thúng. Các hộ nằm trong diện giải tỏa để xây dựng Khu du lịch sinh thái Nam Ô đã sống ở nơi khác, một số vẫn tiếp tục đi biển song không đóng góp vào việc thờ cúng cá Ông nữa. Nhiều người còn làm nghề biển nhưng khi tổ chức lễ hội lại không tham dự".

(Ông Trần Ngọc Vinh, 60 tuổi, làng Nam Ô).

- "Giờ đi biển đã có các phương tiện liên lạc hiện đại rồi, có gì đánh tín hiệu cầu cứu trong bờ. Và lại, mình cầu xin vậy chớ (chứ) cũng có kết quả mấy đâu. Nay mình thờ Ông giống như thờ ông bà tổ tiên, người có ơn với nghề vậy".

(Ông Nguyễn Văn Thắng, 62 tuổi, làng Nam Ô).

Như vậy, quá trình "giải thiêng" đang diễn ra trong tín ngưỡng thờ cá Voi của cư dân ven biển Đà Nẵng. Từ chỗ là một tín ngưỡng thờ vị thần phù trợ cho người đi biển nay thành tín ngưỡng thờ vị thần có công với nghề biển, "tính thiêng" giảm dần. Hay nói cách khác, biểu tượng đa diện của cá Voi dần bị thu hẹp, chỉ còn nổi bật hình tượng thần chủ của nghề.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này, trong đó, sự chuyển đổi nghề nghiệp ở bộ phận những người theo nghề đi biển là tác nhân lớn nhất dẫn đến sự suy giảm trong tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng.

Đối với bộ phận ngư dân, đô thị hóa với việc thu hồi đất, tái định cư, giải phóng mặt bằng không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến sự chuyển đổi nghề nghiệp của họ như những người nông dân hay

buôn bán kinh doanh, song, nó lại tạo cho họ cơ hội "đổi đời" nhờ bồi thường, bán đất; đồng thời, có nhiều cơ hội việc làm mới mà họ có thể lựa chọn, với mức lương cao và ít rủi ro, nguy hiểm hơn nghề đi biển "hồn treo cột buồm"...

Mặt khác, tâm lý ngại ra khơi xa khiến ngư dân không dám mạo hiểm thay đổi phương thức khai thác, do đó, đứng trước những cơ hội nghề nghiệp mới, rất nhiều người đã bỏ nghề: làng Mỹ Khê chỉ còn khoảng 50 người, làng Tân Thái, Nam Ô trên dưới 100 người làm nghề đi biển, trong khi trước đây gần như cả làng đi biển.

Vì gắn với nghề nên khi cư dân ven biển thay đổi sinh kế đã tác động không nhỏ đến sự tồn tại và phát triển của tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng, đã dẫn đến hiện tượng thiếu người thực hành nghi lễ, thiếu kinh phí duy trì... Thay đổi sinh kế cũng góp phần làm phai nhạt niềm tin vào tín ngưỡng thờ cá Voi. Có thể dẫn lời ông Kháng, làng Mỹ Khê làm minh chứng:

"Hồi trước, khi đi biển phải ra các lăng cúng lễ chè, xôi, thịt. Những người trước đây làm nghề nhưng bây giờ không làm nữa thì ít ra cúng lắm".

(Ông Nguyễn Văn Kháng, 70 tuổi, làng Mỹ Khê).

Tâm lý trên là một hệ quả của quá trình đô thị hóa, có thể đưa đến một hệ lụy là làm biến đổi một số giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng, trong đó có tín ngưỡng thờ cá Voi.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa biển đảo từ những biến đổi của tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa

Là tín ngưỡng đặc thù, gắn với văn hóa biển Việt Nam nói chung, văn hóa cư dân ven biển Đà Nẵng nói riêng, tín ngưỡng thờ cá Voi như đã trở thành một biểu tượng tâm linh của cư dân ven biển. Sự biến đổi của tín ngưỡng này trong quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng cho thấy sự vận động để thích nghi của nó với đời sống xã hội đương đại, mà xu hướng chủ đạo là đáp ứng nhu cầu thực dụng...

Mặt khác, sự biến đổi của tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng còn biểu hiện cho xu thế vận động chung của văn hóa biển đảo Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đổi mới đất nước và đặt ra một số vấn đề đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng nói riêng, văn hóa biển đảo nói chung, đó là:

- *Thứ nhất*, ngư dân là chủ thể của văn hóa, tín ngưỡng biển đảo, do đó, cách bảo tồn hiệu quả nhất phải do chính chủ nhân của văn hóa, tín

ngưỡng này lựa chọn và thực hiện. Vậy nên, cần tạo điều kiện để ngư dân có thể tiếp tục bám biển, đảm bảo cuộc sống mưu sinh của mình. Giữ được nghề thì văn hóa, tín ngưỡng mới có cơ sở và môi trường thực hành để tồn tại và phát triển.

- Thứ hai, ngoài nguồn kinh phí của Nhà nước, cần huy động nhiều nguồn hỗ trợ khác nhau trong việc bảo tồn văn hóa, tín ngưỡng từ phía người dân, cơ quan, doanh nghiệp và tư nhân ở cả trong và ngoài nước... Thực tế cho thấy, những nơi có tín ngưỡng thờ cá Voi được bảo tồn tương đối tốt hiện nay, như Thanh Khê, Hà Khê là do có nguồn kinh phí từ nhiều nguồn tài trợ này.

- Thứ ba, với 3260 km đường bờ biển, Việt Nam có nhiều tiềm năng và thực tế đang nỗ lực xây dựng "thương hiệu" du lịch biển. Quá trình đô thị hóa với việc chỉnh trang cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật đã tạo điều kiện cho du khách tiếp cận với văn hóa tín ngưỡng cư dân ven biển Đà Nẵng. Do vậy, ngoài mục tiêu văn hóa, cần phục hồi và khai thác các giá trị văn hóa biển đặc sắc để phục vụ du lịch và quảng bá, phát huy giá trị văn hóa biển đảo.

5. Thay lời kết

Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đã và đang tác động không ngừng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó, có cuộc sống của cư dân ven biển và hải đảo, làm biến đổi phần nào những giá trị văn hóa truyền thống, như trường hợp tín ngưỡng thờ cá Voi ở Đà Nẵng. Những biến đổi đó không đơn thuần chỉ là sự thay đổi diện mạo, yếu tố bên ngoài, mà đã bắt đầu có sự dịch chuyển một số yếu tố "bên trong" - Những yếu tố quan trọng đưa tới sức sống của tín ngưỡng. Do đó, cần thiết phải khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa biển đảo, đồng thời, phát huy, khai thác các giá trị đặc sắc của văn hóa biển đảo để xây dựng nền kinh tế, văn hóa Việt Nam hiện nay./.

L.T.T.H

Tài liệu tham khảo:

1- Nguyễn Chí Bền (2002), "Lễ hội nghinh ông ở xã Bình Thăng, một cách tiếp cận", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, tr. 21 - 40.

2- Bùi Quang Bình (2009), "Vấn đề lao động nhập cư trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng", trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Đô thị hóa miền Trung - Tây Nguyên và những vấn đề kinh tế - xã hội đặt ra* - Tài liệu lưu hành nội bộ tại Thư viện Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng, tr. 267 - 280.

3- Đặng Dũng (2011), *Hồ sơ di tích làng Nam Ô, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng*, Hội Người cao tuổi làng Nam Ô chỉ đạo thực hiện.

4- Nguyễn Xuân Đức (2007), "Từ đền thờ đức Ông, đức Bà ở Cảnh Dương nghĩ về tục thờ cá Voi của người Việt", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4, tr. 21 - 33.

5- Phạm Thúc Hồng (Khảo luận và biên dịch) (2014), *Các di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng làng Thanh Khê, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*, Ban Nghi lễ làng Thanh Khê chỉ đạo thực hiện.

6- Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng: Hình thái, đặc trưng và giá trị*, Nxb. Từ điển Bách khoa và Viện Văn hoá, H.

7- Đinh Hy (2008), "Đặt vấn đề về nguồn gốc tục thờ cá Voi tại ven biển Trung Trung Bộ đến Nam Bộ", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển miền Tây Nam Bộ (Kỷ yếu hội thảo)*, Nxb. Từ điển bách khoa, H, tr. 121 - 128.

8- Lê Văn Kỳ (2008), *Văn hóa cư dân ven biển miền Trung*, để tài cấp Bộ, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu văn hóa.

9- Trần Hồng Liên (chủ biên) (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

10- Nguyễn Thăng Long (2008), "Cộng đồng cư dân ven biển miền Trung với tín ngưỡng thờ cá Voi", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển miền Tây Nam Bộ (Kỷ yếu hội thảo)*, Nxb. Từ điển bách khoa, H, tr. 129 - 137.

11- Nguyễn Thanh Lợi (2003), "Tục thờ cá Ông ở Bà Rịa - Vũng Tàu", trong *Thông báo Văn hóa dân gian 2002*, Nxb. Khoa học xã hội, H, tr. 370 - 382.

12- Nguyễn Thanh Lợi (2003), "Giao lưu văn hóa Việt - Chăm nhìn từ tục thờ cá Ông", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 2, tr. 24 - 27.

13- Nguyễn Thanh Lợi (2006), "Tục thờ cá Ông ở ven biển Nam Trung Bộ", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4, tr. 52 - 60.

14- Nguyễn Thanh Lợi (2008), "Tục thờ cá Ông ở ven biển Tây Nam Bộ", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển miền Tây Nam Bộ (Kỷ yếu hội thảo)*, Nxb. Từ điển bách khoa, H, tr. 478 - 499.

15- Lê Quang Nghiêm (1970), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Sài Gòn.

16- Huỳnh Phước (2009), "Vài nét về đô thị hóa miền Trung và thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ đổi mới", trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Đô thị hóa miền Trung - Tây Nguyên và những vấn đề kinh tế - xã hội đặt ra* - Tài liệu lưu hành nội bộ tại Thư viện Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng, tr. 228 - 238.

17- Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2000), *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.

18- Phạm Văn Tú (2007), "Tín ngưỡng thờ cá Voi ở Cà Mau", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 3, tr. 46 - 50.